

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/DS-ST

Ngày 18-6-2025

V/v “Tranh chấp dân sự về
chia thừa kế quyền sử dụng
đất và tài sản gắn liền với đất,
tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất và
tranh chấp quyền sử dụng
đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Châu;

2. Ông Trần Duy Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2024/TLST-DS ngày 03/4/2024, về “Tranh chấp dân sự về chia thừa kế quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-DS ngày 19/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2025/QĐST-DS ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Thanh T, sinh năm 1982.

- Bị đơn: Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị H, sinh năm 1953.

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Trương Văn D, sinh năm 1965.

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Trương Thị D1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Xã V, huyện T, Long An.

4. Ông Lê Văn P, sinh năm 1967;

Địa chỉ: khóm E, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1956.

Địa chỉ: khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Ông T1 ủy quyền cho ông Lê Văn C, sinh năm 1967.

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

6. Ông Nguyễn Tấn T2, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

7. Bà Trương Thị H1, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang.

8. Bà Trương Thị C1, sinh năm 1975;

9. Chị Trương Thị X, sinh năm 1982 (con bà L1);

10. Anh Trần Văn T3, sinh năm 1989 (con bà L1);

Cùng địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

11. Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1975 (Vợ ông D3);

12. Anh Trương Thanh N, sinh năm 2000 (Con bà D3);

13. Chị Trương Khả N1, sinh năm 2003 (Con bà D3).

Cùng địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Trương Thị H, ông Trương Văn D, bà Trương Thị D1, bà Trương Thị H1, bà Trương Thị C1 cùng ủy quyền cho ông Trương Thanh T theo giấy ủy quyền ngày 19/3/2024 và 17/6/2024)

14. Ủy ban nhân dân thành phố H;

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

15. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trương Thanh T trình bày: Nguồn gốc đất là của cha mẹ ông là ông Trương Văn L (chết năm 2007) và mẹ là Nguyễn Thị H3, sinh năm 1930 (chết năm 2013) có để lại cho anh chị em ông diện tích 180,29m² đất ở nông thôn. Lúc sinh thời cha mẹ ông sinh được 09 người con: 1. Trương Thị H - sinh năm 1953; 2. Trương Văn D2 - sinh năm 1965; 3. Trương Thị L1 - sinh năm 1967 (chết); 4. Trương Thị H1 - sinh năm 1969; 5. Trương Thị D1 - sinh năm 1971; 6. Trương Thanh D3 - sinh năm 1973 (chết); 7. Trương Thị C1 - sinh năm 1975; 8. Trương Văn Đ - sinh năm 1978; 9. Ông là Trương Thanh T - sinh năm 1982. Quá

trình sử dụng anh chị em thống nhất để cho ông Trương Văn Đ đứng tên quản lý sử dụng và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 691, tờ bản đồ số 22, diện tích 707m². Trong đó: Đất ở nông thôn diện tích 213m²; đất trồng cây lâu năm diện tích 494m², được cấp ngày 22/9/2011. Quá trình sử dụng đến ngày 29/4/2022 ông Trương Văn Đ tự động làm giấy tờ mua bán cho ông Lê Văn P giá 2.950.000.000đ (Hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng) ông P đã đưa tiền cọc 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) số còn lại khi nào làm thủ tục giấy tờ sang tên xong mới nhận đủ. Sau khi nhận tiền cọc xong ông Đ bỏ địa phương đi, cho đến ngày 06/9/2023 Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự đến kê biên tài sản, lúc này ông mới biết việc ông Đ bán tài sản và làm nợ nần gây ra, do ông đi làm ăn ở xa không có ở nhà nên không hay biết gì cả. Trong phần đất trên trước khi cha mẹ ông chết có tranh chấp với ông Vương Văn L2 được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử ngày 14/11/2006, cha ông là ông Trương Văn L được tiếp tục sử dụng diện tích 180,29m² đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H. Không hiểu sau năm 2011 ông Trương Văn Đ đi làm thủ tục nhận di sản thừa kế tài sản của cha ông để lại diện tích 707m² và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/9/2011.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định pháp luật, chia đều cho 09 anh chị em ông với diện tích là 193,1m², một phần của thửa số 691 (diện tích trong giấy 707m²), tờ bản đồ số 22, đất ở nông thôn, được cấp ngày 22/9/2011, do anh Trương Văn Đ đứng tên, đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp cho ông được hưởng diện tích 21,45m², ông yêu cầu được nhận đất.

Riêng đối với những người còn lại không yêu cầu chia thừa kế, nhưng nếu Tòa án giải quyết họ được hưởng thừa kế thì phần của họ, họ thống nhất giao cho ông, ông thống nhất nhận để làm phủ thờ.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Lê Văn P thì ông và các chị em ông đều không thống nhất vì phần này là tự ông Đ thực hiện hợp đồng với ông P, các anh chị em ông không hay biết gì.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Lê Văn T1 thì ông và các chị em ông đều không thống nhất vì phần đất và căn nhà trên đất là của cha mẹ ông cất ở ổn định từ trước đến nay.

Ông T yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Văn T1 đối với diện tích đất 40,7m², thửa đất 110, tờ bản đồ 43, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, Đồng Tháp để công nhận cho anh chị em ông để được chia thừa kế trong vụ án này.

Ông T khẳng định phần di sản mà ông Trương Văn L và bà Nguyễn Thị H3

để lại cho anh chị em ông chỉ có diện tích đất theo thẩm định thực tế trong vụ án này là 193,1m², thửa số 691, tờ bản đồ số 22, đất ở tại nông thôn tại khóm A, phường A, thành phố H, do ông Trương Văn Đ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không còn phần tài sản nào khác. Phần diện tích đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trương Văn Đ trong phần diện tích 707m² thì ông và các anh chị em khác còn lại không biết vị trí đất ở đâu và cụ thể diện tích thực tế còn lại bao nhiêu nên ông và các anh chị em khác còn lại không yêu cầu, không tranh chấp gì đối với phần diện tích đất còn lại này.

Việc ông Đ cho rằng cha mẹ ông có chia phần cho các anh chị em ông là có, còn riêng ông do đi làm ăn xa ở thành phố nên ông không có phần.

Ông và các anh chị em khác thống nhất với Sơ đồ đo đạc, biên bản định giá trong vụ án này.

- *Bị đơn ông Trương Văn Đ trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông tên Trương Văn L (chết năm 2007) và bà Nguyễn Thị H3 (chết năm 2013). Ông sống chung với cha mẹ ông nên khi cha ông chết mẹ ông và các anh chị em của ông đã ra Phòng C2, thành phố H ký thủ tục sang tên cho ông đứng tên phần đất với diện tích 707m², thuộc thửa đất số 691, tờ bản đồ 22, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Cha mẹ ông sinh được 09 người con: 1. Trương Thị H - sinh năm 1953; 2. Trương Văn D2 - sinh năm 1965; 3. Trương Thị L1 - sinh năm 1967 (chết); 4. Trương Thị H1 - sinh năm 1969; 5. Trương Thị D1 - sinh năm 1971; 6. Trương Thanh D3 - sinh năm 1973 (chết); 7. Trương Thị C1 - sinh năm 1975; 8. Ông là Trương Văn Đ - sinh năm 1978; 9. Trương Thanh T - sinh năm 1982. Khi cha mẹ còn sống cũng đã phân chia tài sản đất đai cho các anh chị em ông xong hết rồi còn lại căn nhà và phần đất tranh chấp này cha mẹ và các anh chị em đã thống nhất ký sang tên cho ông được hưởng phần đất này.

Vào năm 2022 ông có vay tiền của ông Nguyễn Tấn T2 với số tiền là 2.800.000.000đ (Hai tỷ tám trăm triệu đồng) và tiền lãi là tiền lãi 400.400.000đ, tổng số tiền là 3.200.400.000đ (Ba tỷ hai trăm triệu bốn trăm nghìn đồng). Do ông không có khả năng trả nợ nên ông T2 đã khởi kiện yêu cầu ông trả nợ cho anh T2. Vụ việc đã được giải quyết theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 18/2023/QĐST-DS ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự. Để trả nợ cho ông Nguyễn Tấn T2 ông có kêu ông Lê Văn P bán phần đất đang tranh chấp với giá là 2.950.000.000đ (Hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng) và ông có nhận tiền cọc của ông P với số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Việc ông kêu ông P bán đất là trước thời điểm ông T2 khởi kiện ông tại Toà án, do ông P mua đất mà lâu quá ông P không trả tiền đủ cho ông nên ông T2 mới khởi kiện ông đòi nợ. Do hơn một năm mà ông P không đưa tiền đủ cho ông để thực hiện thủ tục sang nhượng cho ông P nên ông T2 đã yêu cầu Cơ quan thi hành

án thành phố H đã kê biên phần diện tích đất đang tranh chấp nêu trên để thi hành khoản nợ mà ông đã nợ của ông T2. Nhưng do phát sinh tranh chấp trong vụ án chia thừa kế này nên đã hoãn thi hành án và chưa thi hành xong.

Ông thống nhất với diện tích đất tranh chấp trong vụ án này là 193,1m² và thống nhất với Sơ đồ đo đạc, biên bản định giá trong vụ án này.

Nay các anh chị em của ông yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 193,1m², một phần thửa đất số 691, tờ bản đồ số 22, đất ở nông thôn, được cấp ngày 22/9/2011, do anh Trương Văn Đ đứng tên, đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp cho các anh chị em ông mỗi người được hưởng diện tích 21,45m² thì ông không đồng ý. Vì đất này là của ông được hưởng từ cha mẹ cho ông.

Đối với yêu cầu của ông Lê Văn T1 thì ông không thống nhất vì phần đất diện tích 40,7m² thửa đất 110, tờ bản đồ 43, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, Đồng Tháp là của ông, căn nhà trên đất đã tồn tại từ thời điểm cha mẹ ông còn sống và sử dụng ổn định cách đây khoảng 35 năm cho đến nay.

Đối với yêu cầu của ông Lê Văn P, yêu cầu ông trả lại cho ông P tiền đặt cọc mua đất là 300.000.000đồng thì ông tự nguyện thống nhất trả lại cho ông Lê Văn P số tiền này để huỷ bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với ông Lê Văn P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn P trình bày:

Vào ngày 29/4/2022 ông Trương Văn Đ có sang nhượng cho Lê Văn P một miếng đất diện tích 707m²(trong đó: Đất ở nông thôn diện tích: 213 mét vuông; Đất cây lâu năm DT; 494m²); thửa số 691; tờ bản đồ số: 22; tọa lạc tại phường A, thành phố H với giá 2.950.000.000đ (hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng); tôi đã đưa trước cho ông Đứng số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); số còn lại khi nào ra công chứng xong sẽ trả đủ. Sau khi thỏa thuận và thống nhất giữa tôi và ông Đ có làm Hợp đồng đặt cọc ngày 29/4/2022 đồng thời ông Đ có giao lại giấy CNQSD đất bản chính cho ông. Sau đó ông đi làm thủ tục hồ sơ sang tên, khi ra Công chứng và đi thẩm định đo đạc đất thì phát hiện đất của ông Đ chỉ được sở hữu có 180m², do đó ông không làm thủ tục sang nhượng được. Lúc này ông đã nhiều lần điện thoại liên lạc với ông Đ để thỏa thuận lại, nhưng không liên lạc được. Đến ngày 06/9/2023 Chi cục Thi hành án thành phố Hồng Ngự đến kê biên, cưỡng chế tài sản đất thổ cư của ông Đ, lúc này ông mới biết là ông Đ đã có ý định chiếm đoạt tiền của ông. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự xem xét giải quyết buộc ông Trương Văn Đ phải có trách nhiệm trả lại tiền đặt cọc cho ông là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T1 trình bày:

Ông có thừa hưởng diện tích đất trồng lúa từ cha mẹ ông, tổng diện tích là 566,2m², thửa đất 110, tờ bản đồ 43, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, Đồng Tháp. Cụ thể thửa đất này giáp ranh với ông Trương Văn Đ, không hiểu nguyên nhân vì sao mà nhà của ông Đ lấn qua phần đất của ông diện tích 40,7m². Nay ông yêu cầu buộc ông Trương Văn Đ trả lại cho ông diện tích đất theo thẩm định thực tế là 40,7m², thửa đất 110, tờ bản đồ 43, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, Đồng Tháp. Tại phiên toà, ông T1 tự nguyện thống nhất hỗ trợ di dời cho ông Trương Văn Đ số tiền 20.000.000đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn T2 vắng mặt nhưng có văn bản trình bày:

Đối với ông T2 chỉ cần thửa đất đang tranh chấp còn đủ để chủ đất là ông Trương Văn Đ trả đủ cho ông số tiền ông Đ đã nợ ông trước đó đã được Toà án nhân dân thành phố Hồng Ngự giải quyết có hiệu lực pháp luật. Về diện tích đất ông thống nhất theo biên bản đo đạc tại Chi cục Thi hành án thời điểm thực hiện thi hành án về số tiền ông Đ nợ của ông. Hiện nay do đang tranh chấp vụ án này nên Thi hành án đã hoãn lại chưa thi hành án xong. Còn việc tranh chấp đòi quyền thừa kế hay các nội dung tranh chấp trong vụ án này là phát sinh sau khi ông yêu cầu thi hành án nên ông không thống nhất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự trình bày: Đối với diện tích đất 180,29m², thuộc thửa số 691, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, do ông Trương Văn Đ đứng tên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà Tòa án đề cập. Vào ngày 07/9/2023 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự đã kê biên để đảm bảo thi hành án cho ông Nguyễn Tấn T2 là người được thi hành án, địa chỉ: ấp G, xã N, huyện B, tỉnh Long An. Nhưng do có phát sinh vụ án tranh chấp chia thừa kế tài sản trong vụ án này nên Chi cục Thi hành án đã hoãn thi hành án, do đó chưa thi hành án xong.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H trình bày: Về nguồn gốc đất là của cha mẹ bà là ông Trương Văn L (chết năm 2007) và bà Nguyễn Thị H3 (chết năm 2013), do ông Trương Văn L chủ hộ đứng tên. Lúc cha bà mất, anh chị em thống nhất để cho ông Trương Văn Đ đứng tên quản lý sử dụng và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 691, tờ bản đồ số 22, diện tích 707m², trong đó: Đất ở nông thôn 213m², đất trồng cây lâu năm 494m², được cấp ngày 22/9/2011, do ông Trương Văn Đ đứng tên. Quá trình sử dụng, đến ngày 29/4/2022 ông Trương Văn Đ tự động làm giấy tờ mua bán cho ông Lê Văn P giá 2.950.000.000đ (hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng) ông Đ đã nhận tiền cọc 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) số còn lại khi nào làm thủ tục giấy tờ sang tên xong mới nhận đủ. Sau khi nhận tiền cọc xong ông Đ bỏ địa phương đi

cho đến ngày 06/9/2023 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự đến kê biên tài sản, lúc này tôi mới biết việc ông Đ bán tài sản và làm nợ nần gây ra, do đi làm ăn ở xa không có ở nhà nên không hay biết gì cả. Trong phần đất trên trước khi cha mẹ bà chết có tranh chấp với ông Vương Văn L3 được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử ngày 14/11/2006, ông Trương Văn L được tiếp tục sử dụng diện tích 180,29m² đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, không hiểu sau năm 2011 ông Trương Văn Đ đi làm thủ tục nhận di sản thừa kế tài sản của cha bà để lại diện tích 707m² và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/9/2011. Bà H không yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Lê Văn T1 thì bà không thống nhất vì phần đất và căn nhà trên đất là của cha mẹ bà cất ở ổn định từ trước đến nay.

Bà H yêu cầu độc lập là yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Văn T1 đối với diện tích đất 40,7m², thửa đất 110, tờ bản đồ 43, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, Đồng Tháp để các anh chị em được chia thừa kế trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H1, ông Trương Văn D2, bà Trương Thị D1, bà Trương Thị C1, chị Trương Thị X (con bà L1), anh Trần Văn T3 (con bà L1), bà Phạm Thị H2 (vợ ông D3) anh Trương Thanh N (Con bà D3) thống nhất trình bày:

Về nguồn gốc đất là của ông Trương Văn L (chết năm 2007) và bà Nguyễn Thị H3 (chết năm 2013), do ông Trương Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lúc ông L mất, ông Trương Thanh T bị mổ ruột thừa không biết chết sống và không thể đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được nên anh chị em thống nhất để cho ông Trương Văn Đ đứng tên quản lý sử dụng và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 691, tờ bản đồ số 22, diện tích 707m². Trong đó: Đất ở nông thôn: 213m²; đất trồng cây lâu năm 494m², được cấp ngày 22/9/2011, do anh Trương Văn Đ đứng tên. Quá trình sử dụng, đến ngày 29/4/2022 ông Trương Văn Đ tự động làm giấy tờ mua bán cho ông Lê Văn P giá 2.950.000.000đ (hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng), ông Đ đã nhận tiền cọc 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) số còn lại khi nào làm thủ tục giấy tờ sang tên xong mới nhận đủ. Sau khi nhận tiền cọc xong ông Đ bỏ địa phương đi, cho đến ngày 06/9/2023 Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự đến kê biên tài sản, lúc này anh em mới biết việc ông Đ bán tài sản trên cho ông P và làm nợ nần gây ra. Trong phần đất trên trước khi cha mẹ chết có tranh chấp với ông Vương Văn L3 được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử ngày 14/11/2006, quyết định cho ông Trương Văn L được tiếp tục sử dụng diện tích 180,29m² đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, không hiểu sau năm 2011 ông Trương Văn Đ đi làm thủ tục nhận di sản thừa kế tài sản của ông Trương Văn L để lại diện tích

707m² và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/9/2011. Đối với phần đất tranh chấp trên các ông, bà, anh, chị thống nhất không yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này mà đề ông T yêu cầu phần ông T hưởng ông Trương Thanh T quản lý và sử dụng thờ cúng cha mẹ. Các ông, bà, anh, chị không thắc mắc hay khiếu nại gì về sau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố H do ông Nguyễn Văn H4 là người đại diện có đơn xin vắng mặt nhưng có văn bản trình bày:* Ủy ban nhân dân thành phố H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 328, 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17, 23, 25, 26, 31, 236 Luật Đất đai năm 2024. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thanh T. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trương Thị H. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ với ông P, ông Đ thống nhất trả lại cho ông P số tiền 300.000.000đồng. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn T1 về việc yêu cầu ông Trương Văn Đ di dời nhà trả lại diện tích đất 40,7m² thửa đất 110, tờ bản đồ 43, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, Đồng Tháp. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn T1 thống nhất hỗ trợ di dời cho ông Trương Văn Đ số tiền 20.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1] *Về tố tụng:* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp sự về chia thừa kế quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp quyền sử dụng đất”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3, 5 và 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của đương sự:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn T2, bà Trương Thị X, anh Trần Văn T3, bà Phạm Thị H2, anh Trương Thành N2, người đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân thành phố H ông Nguyễn Văn H4 vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Riêng chị Trương Khả N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát xét xử vắng mặt các đương sự này. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù với quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Thanh T về việc yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật, chia đều cho 09 anh chị em ông với diện tích là 193,1m², một phần của thửa số 691 (diện tích trong giấy 707m²), tờ bản đồ số 22, đất ở nông thôn, được cấp ngày 22/9/2011, do ông Trương Văn Đ đứng tên, đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp cho ông được hưởng diện tích 21,45m², ông yêu cầu được nhận đất. Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua việc xem xét, thẩm định tại chỗ theo Sơ đồ đo đạc số 52/2024/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐ TPHN ngày 18/11/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H thì phần đất tranh chấp diện tích 193,1m² bao gồm 02 vị trí:

Vị trí 1: Diện tích 152,4m² thuộc một phần thửa đất số 691, tờ bản đồ số 22 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên ông Trương Văn Đ. Trên phần đất có một phần căn nhà của ông Trương Văn Đ.

Vị trí 2: Diện tích 40,7m² thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 43, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên ông Lê Văn T1. Trên phần đất có một phần căn nhà của ông Trương Văn Đ.

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Trương Văn L (chết năm 2007) và bà Nguyễn Thị H3 (chết năm 2013). Ông L và bà H3 có 09 người con gồm: 1. Trương Thị H - sinh năm 1953; 2. Trương Văn D - sinh năm 1965; 3. Trương Thị L1 - sinh năm 1967 (chết); 4. Trương Thị H1 - sinh năm 1969; 5. Trương Thị D1 - sinh năm 1971; 6. Trương Thanh D3 - sinh năm 1973 (chết); 7. Trương Thị C1 - sinh năm 1975; 8. Trương Văn Đ - sinh năm 1978; 9. Trương Thanh T - sinh năm 1982. Sau khi chết ông L và bà H3 không để lại di chúc.

Đối với Thửa đất số 691, tờ bản đồ số 22 có lịch sử như sau: Năm 2000, hộ ông Trương Văn L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hình thức công nhận lần đầu thuộc thửa đất số 314, tờ bản đồ số 22. Tại thời điểm thực hiện hồ sơ, cơ quan chuyên môn không nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận đất tranh chấp và không có đo đạc thực tế. Đến năm 2007, hộ ông Trương Văn L thực hiện thủ tục tách thửa của thửa đất số 314, tờ bản đồ số 22 tách thành 2 thửa 690 và thửa 691 cùng tờ bản đồ số 22. Sau đó tháng 7 năm 2011, ông Trương Văn Đ nhận thừa kế đối với thửa đất số 691, tờ bản đồ số 22 theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản được Phòng C2 chứng thực ngày 18 tháng 6 năm 2011 có số Công chứng 1569 - Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD. Tiếp đó tháng 9 năm 2011, ông Trương Văn Đ thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 691, tờ bản đồ số 22. Tại thời điểm thực hiện hồ sơ, cơ quan chuyên môn không nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận đất tranh chấp và không có đo đạc thực tế.

Nguyên đơn ông Trương Thanh T yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần đất đang tranh chấp nhưng lại thừa nhận việc ông Trương Văn Đ cho rằng cha mẹ ông khi còn sống có chia phần cho các anh chị em ông là có, còn riêng ông do đi làm ăn xa ở thành phố nên ông không có được chia phần.

Ông Trương Thanh T thừa nhận có ký tên vào văn bản thỏa thuận phân chia

di sản thừa kế tại Phòng công chứng nhưng không nhớ rõ thời gian nào, có nghe đọc lại nội dung và thống nhất ký tên vào văn bản nhưng không nhớ rõ nội dung cụ thể chỉ biết là ký để ông Trương Văn Đ, đứng tên đại diện cho anh chị em để thờ cúng chứ không được bán.

Nhưng theo nội dung của Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 18/6/2011 thì vợ của ông L là bà Nguyễn Thị H3 cùng tất cả những người con của ông L gồm: Bà Trương Thị H, ông Trương Văn Đ, bà Trương Thị L1, bà Trương Thị H1, bà Trương Thị D1, cháu Trương Thanh N, cháu Trương Khả N1, bà Phạm Thị H2, bà Trương Thị C1, ông Trương Văn Đ, ông Trương Thanh T cùng thống nhất ký tên đồng ý nhường cho ông Trương Văn Đ được thừa hưởng toàn bộ diện tích đất do ông Trương Văn L đứng tên, diện tích 11.042m² tại các thửa đất 71, 56, 691, cùng tờ bản đồ 22.

Việc vợ và tất cả các người con của ông L (Trong đó có ông T) cùng thống nhất ký tên đồng ý nhường cho Trương Văn Đ được thừa hưởng toàn bộ diện tích đất do ông Trương Văn L đứng tên để lại toàn bộ diện tích 11.042m² tại các thửa đất 71, 56, 691, cùng tờ bản đồ 22 (Trong đó có thửa 691, tờ bản đồ 22 là phần đất đang tranh chấp trong vụ án này) cho ông Trương Văn Đ nên ông Trương Văn Đ được thừa hưởng toàn bộ phần diện tích đất nêu trên là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

Như vậy, xác định tài sản tranh chấp trong vụ án này không phải là di sản do ông Trương Văn L và bà Nguyễn Thị H3 sau khi chết để lại mà đó là tài sản của ông Trương Văn Đ. Do đó, yêu cầu chia thừa kế của ông Trương Thanh T là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn P về việc yêu cầu ông Trương Văn Đ trả lại tiền đặt cọc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 300.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Trương Văn Đ thừa nhận có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn P vào ngày 29/4/2022, đối với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận 707m² thửa 691, tờ bản đồ 22, tại khóm A, phường A, thành phố H, Đồng Tháp với giá 2.950.000.000đồng và có nhận tiền đặt cọc mua đất là 300.000.000đồng. Nay ông Trương Văn Đ tự nguyện thống nhất trả lại cho ông Lê Văn P số tiền nhận cọc 300.000.000đồng để huỷ bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trương Văn Đ với ông Lê Văn P. Nên công nhận sự tự nguyện này của các đương sự. Buộc ông Trương Văn Đ trả lại cho ông Lê Văn P số tiền nhận cọc 300.000.000đồng. Huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/4/2022 giữa ông Lê Văn P với ông Trương Văn Đ.

[2.3] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T1 về việc yêu cầu ông Trương Văn Đ di dời một phần căn nhà bếp để trả lại cho ông diện tích 40,7m² thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 43, tại khóm A, phường A, thành phố H, Đồng Tháp. Hội đồng xét xử xét thấy:

Thửa đất số 110, tờ bản đồ số 43 có lịch sử như sau:

Năm 2000, hộ ông Lê Văn P1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hình thức công nhận lần đầu thuộc các thửa đất số 317, thửa 320 cùng tờ bản đồ số 22 và thửa đất số 417, tờ bản đồ số 9.

Tháng 5 năm 2022, hộ ông Lê Văn P1 thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất (cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Tháng 12 năm 2022, hộ ông Lê Văn P1 thực hiện thủ tục tách thửa đất đối với thửa đất số 317 tách thành 2 thửa gồm thửa đất số 1538 và thửa đất số 1539, tờ bản đồ số 22.

Tháng 7 năm 2023, hộ ông Lê Văn P1 thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn T1 (thửa đất số 1539, tờ bản đồ số 22 đổi chiếu sang hệ thống bản đồ địa chính chính quy thành thửa đất số 104, tờ bản đồ số 43) được Phòng C2 chứng thực ngày 03 tháng 6 năm 2023 có số Công chứng 2965, Quyền số 06/2023TP/CC-SCC/HĐGD.

Tháng 12 năm 2023, ông Lê Văn T1 thực hiện thủ tục tách thửa đất đối với thửa đất số 104 tách thành 2 thửa gồm thửa đất số 110 và thửa đất số 111, tờ bản đồ số 43. Tại thời điểm thực hiện hồ sơ, cơ quan chuyên môn không nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận đất tranh chấp và có biên bản đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính.

Như vậy, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp diện tích 40,7m² thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 43 là của ông Lê Văn T1 nên yêu cầu của ông Lê Văn T1 là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Trương Văn Đ di dời một phần nhà bếp là nhà cây tạp, vách tol đã cũ nát và toàn bộ vật dụng khác trên phần đất diện tích 40,7m² để trả lại cho ông Lê Văn T1 diện tích đất 40,7m² nói trên. Tại phiên toà, ông Lê Văn T1 thống nhất hỗ trợ di dời cho ông Trương Văn Đ số tiền 20.000.000đồng nên ghi nhận sự tự nguyện này là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[2.4] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị H về việc yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Văn T1 đối với diện tích đất 40,7m², thửa đất 110, tờ bản đồ 43, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, Đồng Tháp để các anh chị em được chia thừa kế trong vụ án này. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà H là không có căn cứ chấp nhận như nhận định ở trên.

Phần diện tích đất tranh chấp theo hồ sơ địa chính, tại thời điểm cung cấp thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T1 thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 43 hiện chưa đăng ký biến động tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H.

Riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trương Văn Đ thuộc thửa đất số 691, tờ bản đồ số 22, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H có tiếp nhận các văn bản của cơ quan Thi hành án gồm: Quyết định số 09/QĐ-CCTHADS ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự; Quyết định số 16/QĐ-CCTHADS ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự; Thông báo số 219/TB-CCTHADS ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự;

Kế hoạch số 220/KH-THADS ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

Theo Công văn số 318/CV-CCTHADS ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự thì thửa đất 691, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, Đồng Tháp, do ông Trương Văn Đ đứng tên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, vào ngày 07/9/2023 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự đã kê biên để đảm bảo thi hành án cho ông Nguyễn Tấn T2 là người được thi hành án. Nhưng do tranh chấp nên đã hoãn thi hành án đến nay.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận như phân tích ở trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về án phí:

+ Ông Trương Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.290.000đồng. Được khấu trừ 4.350.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 05051 ngày 03/4/2024 và 0806 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự. Ông Trương Thanh T được nhận lại 60.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

+ Ông Lê Văn P được nhận lại 7.500.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 011984 ngày 26/8/2024 của Chi cục Thi hành án thành phố Hồng Ngự.

+ Ông Lê Văn T1 là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

+ Bà Trương Thị H là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

- Về chi phí tố tụng:

+ Ông Trương Thanh T phải chịu tổng chi phí tố tụng là 3.423.500đồng. Phần còn dư ra 1.576.500đồng ông T được nhận lại và đã nhận lại xong.

+ Ông Lê Văn T1 được nhận lại tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 3.000.000đồng và đã nhận lại xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 328, 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17, 23, 25, 26, 31, 236 Luật Đất đai năm 2024; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Trương Thanh T về việc yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất 193,1m², thuộc một phần của thửa số 691, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp thành chín phần bằng nhau cho ông được hưởng diện tích 21,45m².

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Thanh T về việc yêu cầu ông Lê Thanh T4 trả lại diện tích đất 40,7m² thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 43, đứng tên ông Lê Văn T1.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Thanh T về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T1 đối với phần đất nói trên.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trương Thị H về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T1 đối với phần đất nói trên.

5. Huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/4/2022 giữa ông Lê Văn P với ông Trương Văn Đ.

Công nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn P và ông Trương Văn Đ. Buộc ông Trương Văn Đ trả lại cho ông Lê Văn P số tiền nhận cọc 300.000.000đồng.

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Văn T1. Buộc ông Trương Văn Đ di dời một phần nhà bếp là nhà cây tạp, vách tol đã cũ nát và toàn bộ vật dụng khác trên phần đất diện tích 40,7m² thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 43, để trả lại cho ông Lê Văn T1 diện tích đất 40,7m² nói trên.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn T1. Ông Lê Văn T1 tự nguyện thống nhất hộ trợ di dời cho ông Trương Văn Đ số tiền 20.000.000đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Kèm theo Bản án này là Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Sơ đồ đo đạc số 52/2024/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐ TPHN ngày 18/11/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về án phí:

+ Ông Trương Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.290.000đồng. Được khấu trừ 4.350.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu

số 05051 ngày 03/4/2024 và 0806 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự. Ông Trương Thanh T được nhận lại 60.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

+ Ông Lê Văn P được nhận lại 7.500.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 011984 ngày 26/8/2024 của Chi cục Thi hành án thành phố Hồng Ngự.

+ Ông Lê Văn T1 là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

+ Bà Trương Thị H là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

- Về chi phí tố tụng:

+ Ông Trương Thanh T phải chịu tổng chi phí tố tụng là 3.423.500đồng. Phần còn dư ra 1.576.500đồng ông T được nhận lại và đã nhận lại xong.

+ Ông Lê Văn T1 được nhận lại tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 3.000.000đồng và đã nhận lại xong.

8. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

9. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thảo

